

## 2. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 1

### 2.1. Quan điểm biên soạn

#### a. Quan điểm biên soạn SGK Tiếng Việt

##### - *Dạy học ngôn ngữ theo cách như ngôn ngữ được dùng trong thực tế*

Sách thiết kế các bài học theo mô hình gồm hệ thống các hoạt động giao tiếp, tương ứng với các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Thông qua các hoạt động giao tiếp năng động, đa dạng và gắn gũi với đời sống thực, HS được phát triển năng lực ngôn ngữ một cách tự nhiên.

Các kiến thức tiếng Việt, văn học không được dạy học riêng biệt mà được tích hợp vào các hoạt động dạy học đọc, viết, nói và nghe. Đến lượt mình, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe cũng được kết nối chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, giúp HS phát triển hiệu quả năng lực ngôn ngữ nói chung.

##### - *Khơi gợi được hứng thú của người học qua ngữ liệu và cách khai thác ngữ liệu phù hợp*

SGK nói chung cần hấp dẫn về cả nội dung lẫn hình thức. Nhờ đó, việc học mới trở thành một hành trình khám phá thú vị. Riêng đối với SGK Tiếng Việt, HS cần được tìm thấy thế giới tưởng tượng và cuộc sống thực của chính mình qua những truyện kể, bài thơ, văn bản thông tin,... trong các bài học. Sách cần sử dụng những ngữ liệu phù hợp với đặc điểm tâm lí, thực tiễn giao tiếp và nhu cầu học hỏi, khám phá của HS và định hướng giáo dục của nhà trường. Các hoạt động thực hành đọc, viết, nói và nghe xung quanh ngữ liệu cần được thiết kế hợp lí, phù hợp với khả năng của HS và thời gian dạy học cho phép, kích thích được sự ham học, trí tò mò và tư duy sáng tạo của các em.

#### b. Quan điểm biên soạn SGK Tiếng Việt 1

Lớp 1 đánh dấu một giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trong quá trình phát triển năng lực giao tiếp của HS, chuyển từ giao tiếp bằng ngôn ngữ nói vốn được hình thành và phát triển trong môi trường giao tiếp tự nhiên sang giao tiếp bằng cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong môi trường nhà trường có sự hướng dẫn của GV, theo mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập do Chương trình quy định. Ngoài yêu cầu đối với SGK Tiếng Việt nói chung, SGK *Tiếng Việt 1* ở lớp 1 HS cần chú trọng thoả đáng đến và sự phát triển năng lực ngôn ngữ của các em ở giai đoạn chuyển tiếp này để bảo đảm sự phát triển ngôn ngữ ở các em diễn ra một cách tự nhiên với nhiều điều mới mẻ mà thú vị, chứ không phải chịu đựng căng thẳng và áp lực. Muốn vậy, hoạt động đọc, viết, nói và nghe cần phải được đặt vào ngữ cảnh giao tiếp tự nhiên và cần phải khai thác hiệu quả vốn tiếng Việt sẵn có trước khi đến trường của HS.

### 2.2. Những điểm mới cơ bản của SGK Tiếng Việt 1

*Tiếng Việt 1* hiện thực hoá quan điểm biên soạn SGK đã nêu ở trên. Sau đây là những điểm mới cơ bản, triển khai theo quan điểm biên soạn đó:

- a. Ngay từ những bài đầu tiên, sách đã đặt những âm – chữ được học vào câu, gắn với một sự việc, trạng thái cụ thể. Như vậy, khác với nhiều SGK Tiếng Việt cho lớp 1 khác, ở giai đoạn đầu, dạy âm – chữ chỉ gắn với từ ngữ (đơn vị định danh), cuốn sách **Tiếng Việt 1** này dạy âm – chữ gắn ngay với câu (đơn vị giao tiếp). Từ câu trọn vẹn để nhận biết âm – chữ, vần; rồi từ âm – chữ, vần ghép thành tiếng, từ ngữ, câu, đoạn. **Tiếng Việt 1** cũng tạo cho HS cơ hội tự đọc được câu ngay từ bài đầu (từ câu đơn giản nhất là “A.”). Theo cách này, HS không chỉ được phát triển kĩ năng giao tiếp một cách nhanh nhất mà còn có cơ hội phát triển khả năng quan sát, tưởng tượng, suy luận,...

Với **Tiếng Việt 1**, các vần ít thông dụng, đặc biệt là vừa ít thông dụng vừa khó, thì được chuyển hẳn sang tập hai và được lồng ghép vào những văn bản đọc, tức gắn vần với từ ngữ chứa vần đó và đưa từ ngữ chứa vần đó vào ngữ cảnh giao tiếp, chứ không dạy thành bài riêng biệt như ở tập một.

- b. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được kết nối và dạy học tích hợp trong một bài học. Đến tập hai, trung tâm để tạo nên sự kết nối và tích hợp đó là văn bản thuộc các kiểu loại khác nhau. Trong sách **Tiếng Việt 1** này, ở cả tập một và tập hai, người đọc không tìm thấy các “phần môn” mà chỉ nhìn thấy các hoạt động giao tiếp.
- c. Ngữ liệu bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa văn bản văn học và văn bản thông tin. Tăng thêm tỉ lệ văn bản thông tin và giảm tỉ lệ văn bản văn học so với các SGK Tiếng Việt lâu nay. Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm đã có của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập.
- d. Nội dung bài học được thiết kế dưới dạng các hoạt động, bắt đầu bằng các câu lệnh thể hiện yêu cầu mà người học cần phải thực hiện. Nhờ đó, HS có thể dùng sách để tự học, cha mẹ HS có thể giúp con mình tự học tập ở nhà, GV thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.
- đ. Sách hấp dẫn về cả nội dung lẫn hình thức. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học tiếng Việt khi cầm cuốn **Tiếng Việt 1** trên tay và từng bước khám phá những bài học ở trong đó.

### 2.3. Cấu trúc sách và các bài học

Sách **Tiếng Việt 1** được chia thành hai tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần, trung bình mỗi tuần 12 tiết), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần, trung bình mỗi tuần 12 tiết).

#### TẬP MỘT

##### a. Cấu trúc sách

Ngoài các bài học ở **Tuần mở đầu** (giúp HS làm quen với môi trường và hoạt động học tập ở lớp 1) và **Tuần ôn tập**, 16 tuần còn lại có 80 bài, mỗi tuần có 5 bài, gồm cả bài **Ôn tập và kể chuyện** ở cuối tuần. Mỗi bài được dạy học trong 2 tiết, trình bày trong 2 trang sách, 1 trang chữ và 1 trang vẽ. Ngoài ra, mỗi tuần còn có 2 tiết tập viết tăng thêm

ngoài thời gian tập viết trong các bài học; trước khi viết, HS cũng được luyện đọc các từ ngữ luyện viết. Ngoài luyện viết và luyện đọc, thời gian còn lại của 2 tiết (nếu có) có thể dành để HS làm các bài tập nối, điền trong vở bài tập.

Mỗi bài gồm một hoặc một số âm – chữ (chữ cái và dấu thanh) hoặc vần; số lượng và độ khó của các âm – chữ, vần trong một bài được tăng dần tương ứng với kĩ năng mà HS đã học được. Các âm – chữ và vần được sắp xếp dựa vào một số căn cứ, cụ thể là:

- Khả năng dùng các âm – chữ tổ hợp nên các tiếng, từ ngữ, câu gắn gũi, thông dụng để HS học xong những chữ cái và dấu thanh đó có thể đọc và viết được nhiều tiếng, từ ngữ, câu.
- Trình tự các con chữ trong bảng chữ cái và tính chất đồng dạng của chữ và vần; chẳng hạn, những chữ cái được dạy học đầu tiên là *a, b, c,...*; các vần được chia theo nhóm, gắn nhau về âm và chữ viết như: *an, ăn, ân; on, ôn, ơn; en, ên, in, un; am, ăm, âm;...*
- Độ thông dụng và độ khó của đơn vị ngôn ngữ cần học. Những vần thông dụng nhưng có cấu trúc phức tạp, khó đọc và viết thì được xếp vào cuối tập một. Những vần ít thông dụng, đặc biệt là vừa ít thông dụng vừa khó, thì được đưa vào tập hai.

#### **b. Cấu trúc mỗi bài học**

Ở tập một, mỗi bài học trong 4 bài học hằng tuần đều được bắt đầu bằng hoạt động **nhận biết** âm – chữ hoặc vần chuẩn bị học. Hoạt động này được thiết kế dưới dạng yêu cầu HS quan sát tranh, nhận biết nội dung tranh và nói hoặc đọc theo GV câu thuyết minh tranh. Câu này có chứa các âm chữ hoặc vần được học trong bài và thường thể hiện các sự việc, trạng thái có thể minh họa bằng hình ảnh trực quan. Hoạt động nhận biết này tạo cho HS có hứng thú khám phá bài học. Những âm chữ, vần cần học được đặt trong câu (đánh dấu màu đỏ), câu gắn với một sự việc, trạng thái cụ thể, tạo cho HS cảm giác bài học gắn gũi và thiết thực với đời sống. Trong câu nhận biết có thể có nhiều từ ngữ HS chưa thể tự đọc được, tỉ lệ những từ ngữ này được giảm dần ngay trong học kì 1. Các em nói hoặc đọc câu thuyết minh lặp lại theo GV, nhờ quan sát tranh và nhờ vốn ngôn ngữ nói tiếng Việt, các em hiểu được ý nghĩa của câu. Việc từng bước gắn ý nghĩa của một câu với hình thức viết của câu vốn chưa thật quen thuộc, giúp HS sớm có ý niệm về mối quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết ở cấp độ đơn vị giao tiếp. Nhờ đó, kĩ năng đọc sẽ được phát triển nhanh hơn. Trong bối cảnh nhiều HS có khả năng đọc phát triển sớm thì câu nhận biết cũng là ngữ liệu hỗ trợ các em luyện đọc.

Sau hoạt động **nhận biết** là hoạt động **đọc âm/ vần, tiếng, từ ngữ**; cuối tiết 1 là **viết bảng**. Mở đầu tiết 2, HS **viết vào vở** (Ngoài ra, như đã nêu trên, mỗi tuần có 2 tiết ngoài bài học để HS tiếp tục luyện viết. Trong thời gian dành cho viết vào buổi sáng, nếu HS nào chưa viết xong, các em có thể viết tiếp phần còn lại vào buổi chiều). Sau tập viết vào vở, HS **đọc câu/ đoạn ngắn**, cuối cùng là **nói (và nghe)** theo nghi thức lời nói hay theo chủ điểm gắn với một nội dung của bài học.

Phần **đọc câu/ đoạn ngắn** yêu cầu HS không chỉ có kĩ năng **đọc thành tiếng** mà còn có kĩ năng **đọc hiểu**. Mức độ yêu cầu đọc hiểu tăng dần theo nội dung đọc. Các câu hỏi đọc hiểu (chỉ gợi ý trong SGK) theo đó tăng lên về số lượng và độ khó.

Từ tuần 1 đến tuần 10, bài 1 và bài 3 của mỗi tuần, phần nói dành để HS thực hành các **ngữ thức lời nói** cơ bản được quy định trong chương trình, giúp các em phát triển kĩ năng chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép. Còn các **chủ điểm** nói được lựa chọn thường gắn với nội dung đọc ở ngay trước đó mà không gò bó theo âm – chữ hay vần trong bài học. Nói và nghe như là phần mở rộng, nối dài của đọc. Nhờ đó, đọc với nói và nghe hỗ trợ hiệu quả cho nhau. Đọc chuẩn bị nội dung cho nói và nghe. Nói và nghe giúp HS hiểu rõ hơn nội dung của phần đọc. Đây cũng là hoạt động học tập giúp HS tự tin hơn khi giao tiếp, đặt cơ sở cho kĩ năng trình bày, thuyết trình ở các lớp trên. Một khoảng thời gian ngắn cuối mỗi bài học dành cho nói và nghe tương đối tự do cũng giúp HS giảm được căng thẳng sau gần 2 tiết học. Ở hoạt động này, SGK chỉ đưa ra gợi ý. GV có thể sáng tạo những “kịch bản” khác nhau để tổ chức hoạt động nói và nghe cho hiệu quả.

Trong bài **Ôn tập và kể chuyện** cuối mỗi tuần, phần ôn tập giúp HS củng cố, phát triển kĩ năng đọc âm – chữ/ vần và tiếng, từ ngữ, câu hoặc đoạn có chứa âm – chữ/ vần được học trong tuần, viết chính tả (từ tuần 1 đến tuần 6: viết cụm từ, từ tuần 7 đến tuần 16: viết câu ngắn); phần kể chuyện giúp HS phát triển kĩ năng nghe, nói, tưởng tượng, suy luận,... Trong hoạt động kể chuyện, HS có thể được trao đổi nhóm, được đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện tùy vào khả năng của HS.

## TẬP HAI

### a. Cấu trúc sách

Ở tập hai, có 8 bài lớn, mỗi bài được dạy học trong 2 tuần (24 tiết). Trong 24 tiết cho mỗi bài lớn có 18 tiết dành cho đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản; 2 tiết ôn tập ở cuối tuần 2 của mỗi bài; 4 tiết (mỗi tuần 2 tiết) dành để HS: 1) hoàn thành nốt những nội dung có thể chưa hoàn thành trong các bài học trong tuần (thường học vào buổi sáng); 2) làm bài tập trong *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai*. Ngoài ra, GV cũng có thể dành một phần thời gian cho hoạt động đọc mở rộng. Nghĩa là mỗi tuần có 2 tiết dành cho GV tổ chức các hoạt động dạy học một cách linh hoạt).

Mỗi bài lớn tương đương với một “chương” trong một số SGK nước ngoài hoặc với đơn vị dạy học xoay quanh một chủ điểm như một số SGK Việt Nam trước đây. Các bài lớn được thiết kế theo hệ thống chủ điểm, phát triển từ những chủ điểm gần gũi nhất như tôi (cá nhân người học) và bạn bè, gia đình, nhà trường đến những chủ điểm liên quan đến kĩ năng sống, bài học về đạo đức, thiên nhiên, cảm nhận của con người về thế giới xung quanh và cuối cùng là đất nước và con người Việt Nam. Hệ thống chủ điểm này vừa có tính gợi mở, gây hứng thú đối với HS vừa nhắm đến mục tiêu bồi dưỡng và phát triển các phẩm chất chủ yếu được quy định trong Chương trình Giáo dục Phổ thông mới.

Trong mỗi bài lớn (chủ điểm) thường có đủ các kiểu loại văn bản cơ bản: truyện, thơ, văn bản thông tin. Tuy nhiên, tùy thuộc vào chủ điểm của bài học mà văn bản văn học (truyện, thơ) hay văn bản thông tin chiếm tỉ lệ nhiều hơn, chẳng hạn bài học có chủ điểm là thiên nhiên thì văn bản thông tin nhiều hơn văn bản văn học, ngược lại, bài học có chủ điểm là cảm nhận về thế giới thì tỉ lệ văn bản văn học cao hơn. Mỗi văn bản truyện, văn bản thông tin,... được thiết kế dạy học trong 4 tiết, mỗi bài thơ 2 tiết, trừ một văn bản văn xuôi ở bài 8 chỉ dạy học trong 2 tiết. Do số tiết cho mỗi bài lớn là cố định (24 tiết) nên những bài có tỉ lệ thơ cao như bài *Thế giới trong mắt em* thì số lượng văn bản nhiều hơn những bài khác.

### **b. Cấu trúc mỗi bài học**

Mỗi văn bản đọc là trung tâm của một bài nhỏ. Khởi đầu bài học là hoạt động **khởi động** nhằm huy động trải nghiệm, hiểu biết và tạo tâm thế để HS đọc hiểu văn bản tốt hơn. Hoạt động này thường được tổ chức dưới hình thức HS quan sát tranh thể hiện các sự việc, nhân vật có liên quan đến nội dung văn bản đọc, rồi trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi. Dựa vào mục tiêu của phần Khởi động, GV có thể tổ chức nhiều hoạt động dạy học linh hoạt và sáng tạo, không nhất thiết phải theo đúng những gợi ý trong SGK. Sau hoạt động khởi động là **đọc thành tiếng**, **đọc hiểu** (thể hiện qua trả lời câu hỏi).

Riêng đối với văn bản thơ, HS được luyện tập **nhận biết vần** nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng về vần và **học thuộc lòng** (1 – 2 khổ thơ hoặc cả bài). Đối với văn bản văn xuôi, HS được thực hành **viết**, **nói**, **nghe**, đôi khi có hoạt động **kể chuyện** hay **đóng vai** diễn lại câu chuyện đã đọc. Hoạt động viết trong các bài học về văn bản văn xuôi có hai dạng:

a) Viết vào vở 1 – 2 câu trả lời ở phần đọc hiểu.

b) Viết vào vở 1 – 2 câu đã hoàn thiện sau khi điền từ ngữ phù hợp.

Cuối mỗi bài học (cả thơ và văn xuôi) thường có hoạt động **tích hợp**, **mở rộng**, **vận dụng** đa dạng, dưới hình thức trò chơi, giải ô chữ, vẽ, hát, giải quyết tình huống,...

Ngoài ra, 2 tiết trong mỗi tuần, nằm ngoài các bài học, dành để GV tổ chức các hoạt động dạy học một cách linh hoạt bao gồm:

- Hoàn thiện những nội dung nào có thể chưa kịp hoàn thành vào buổi sáng.
- Tổ chức cho HS làm bài tập luyện tập củng cố kĩ năng trong *Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai*.
- Tổ chức cho HS đọc mở rộng (tìm đọc truyện, thơ, văn bản thông tin và trao đổi với bạn về những gì đã đọc).